

HƯỚNG DẪN

Nghiệp vụ cho vay hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Căn cứ Luật Việc làm số 74/2025/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng số 69/2020/QH14 ngày 13/11/2020 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm;

Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

b) Đối tượng áp dụng

- Đối tượng vay vốn tại NHCSXH được quy định tại khoản 2 văn bản này.
- Các đơn vị, cá nhân thuộc hệ thống NHCSXH.
- Doanh nghiệp dịch vụ, đơn vị sự nghiệp được Nhà nước cho phép đưa người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp).
- Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Đối tượng vay vốn

a) Người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

b) Đối với nguồn vốn tổ chức, cá nhân ủy thác cho NHCSXH thì tổ chức, cá nhân ủy thác quyết định đối tượng vay vốn.

Đối tượng vay vốn tại khoản này gọi chung là khách hàng.

3. Nguyên tắc cho vay

a) NHCSXH cho vay đúng đối tượng thụ hưởng, đảm bảo công khai, minh bạch.

b) Khách hàng phải sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay, trả nợ gốc và lãi đúng hạn theo Hợp đồng tín dụng.

4. Điều kiện cho vay

Khách hàng phải có đủ các điều kiện sau:

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.
- b) Đã ký kết hợp đồng với doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.
- c) Thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật và của NHCSXH (nếu có).

5. Mức cho vay

a) Mức cho vay tối đa là 100% tổng chi phí khách hàng phải trả trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài ký kết giữa khách hàng và doanh nghiệp, không bao gồm các khoản chi đã được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP.

b) Căn cứ vào nguồn vốn cho vay, tổng chi phí người lao động phải trả trước khi đi làm việc ở nước ngoài, các khoản chi đã được ngân sách nhà nước hỗ trợ kê khai tại hồ sơ vay vốn và khả năng trả nợ của khách hàng, NHCSXH nơi cho vay thỏa thuận thống nhất với khách hàng để xem xét, quyết định mức cho vay cụ thể.

6. Thời hạn cho vay

Thời hạn cho vay tối đa bằng thời hạn hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, không bao gồm thời gian gia hạn hợp đồng.

7. Lãi suất cho vay

a) Lãi suất cho vay bằng 127% lãi suất cho vay đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định (hiện nay là 7,9248%/năm).

b) Các trường hợp sau đây được cho vay với mức lãi suất bằng lãi suất cho vay đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định (hiện nay là 6,24%/năm):

- Khách hàng là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo.
- Khách hàng là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo đang sinh sống tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định.
- Đối tượng khác do Chính phủ quyết định căn cứ tình hình kinh tế - xã hội và yêu cầu cho vay vốn giải quyết việc làm.

c) Đối với nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác cho NHCSXH, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định các đối tượng khác ngoài đối tượng quy định tại điểm b khoản này với mức lãi suất bằng lãi suất cho vay đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định (hiện nay là 6,24%/năm).

d) Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay theo quy định tại điểm a, b, c khoản này.

8. Điều kiện bảo đảm tiền vay

a) Đối với mức vay trên 200 triệu đồng, khách hàng phải thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và quy định của NHCSXH.

b) Đối với nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác cho NHCSXH, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức vay phải thực hiện bảo đảm tiền vay cao hơn mức vay quy định tại điểm a khoản này.

9. Mục đích sử dụng vốn vay

Vốn vay được sử dụng vào việc chi trả các khoản chi phí đi làm việc ở nước ngoài theo quy định được ghi trong hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài đã ký kết giữa khách hàng và doanh nghiệp.

10. Phương thức cho vay

NHCSXH cho vay trực tiếp đến khách hàng tại trụ sở NHCSXH nơi cho vay, nơi khách hàng cư trú hợp pháp thuộc địa bàn do NHCSXH nơi cho vay quản lý trực tiếp.

11. Hồ sơ cho vay

a) Hồ sơ do khách hàng lập

- Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (Mẫu số 01/LĐNN).

- Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng vay vốn với mức lãi suất thấp hơn theo quy định tại điểm b khoản 7 văn bản này (nếu có) bao gồm bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu của các loại giấy tờ sau:

+ Đối với khách hàng là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo đang sinh sống tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định, gồm: Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh thuộc hộ nghèo; Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh thông tin về dân tộc, nơi ở hiện tại hoặc bản chụp thông tin về dân tộc, nơi ở hiện tại từ tài khoản định danh điện tử mức độ 02 của khách hàng.

+ Đối với khách hàng là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, gồm: Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh thuộc hộ nghèo; Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh thông tin về dân tộc hoặc bản chụp thông tin về dân tộc từ tài khoản định danh điện tử mức độ 02 của khách hàng.

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu của hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài đã ký kết giữa khách hàng với doanh nghiệp.

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu của hộ chiếu còn thời hạn của khách hàng.

- Các giấy tờ chứng minh về tài sản bảo đảm tiền vay trong trường hợp khoản vay phải thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định.

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc hỗ trợ khách hàng đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng tại thời điểm nộp hồ sơ vay vốn (nếu có).

- Văn bản ủy quyền (Mẫu số 02/LĐNN).

b) Hồ sơ do NHCSXH nơi cho vay lập

- Phiếu tiếp nhận hồ sơ vay vốn (Mẫu số 03/LĐNN).

- Báo cáo thẩm định (Mẫu số 04/LĐNN).

- Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (Mẫu số 05/LĐNN).

- Thông báo từ chối cho vay (Mẫu số 05a/LĐNN).

c) Hồ sơ do NHCSXH nơi cho vay, khách hàng cùng lập: Hợp đồng tín dụng (Mẫu số 06/LĐNN).

d) Hồ sơ bảo đảm tiền vay thực hiện theo quy định của NHCSXH (nếu có).

12. Quy trình, thủ tục cho vay

a) Khách hàng có nhu cầu vay vốn nộp hồ sơ quy định tại điểm a khoản 11 văn bản này cho NHCSXH nơi cho vay.

b) NHCSXH nơi cho vay phân công cán bộ tín dụng kiểm tra, nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì lập Phiếu tiếp nhận hồ sơ vay vốn (Mẫu số 03/LĐNN) gửi khách hàng.

- Trường hợp khách hàng cung cấp bản sao quy định tại điểm a khoản 11 văn bản này, cán bộ tín dụng đề nghị khách hàng xuất trình bản chính để đối chiếu, xác nhận đã đối chiếu với bản chính lên bản sao và ký, ghi rõ họ tên.

- Trường hợp khách hàng sử dụng thông tin trên tài khoản định danh điện tử mức độ 02, cán bộ tín dụng thực hiện đối chiếu, chụp thông tin của khách hàng, in bản chụp, xác nhận đã đối chiếu và ký, ghi rõ họ tên.

c) Trong vòng 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ vay vốn theo quy định, Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phân công cán bộ tín dụng thực hiện: kiểm tra, đối chiếu, thẩm định tính đầy đủ, chính xác của hồ sơ vay vốn; lập Báo cáo thẩm định (Mẫu số 04/LĐNN) trình Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Tổ Kế hoạch - Nghiệp vụ kiểm soát; trình Giám đốc xem xét, phê duyệt hồ sơ vay vốn.

- Nếu phê duyệt cho vay: NHCSXH nơi cho vay lập Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (Mẫu số 05/LĐNN), gửi khách hàng.

- Nếu không phê duyệt cho vay: NHCSXH nơi cho vay lập Thông báo từ chối cho vay (Mẫu số 05a/LĐNN) ghi rõ lý do từ chối, gửi khách hàng.

d) NHCSXH nơi cho vay cùng khách hàng lập Hợp đồng tín dụng (Mẫu số 06/LĐNN); lập Hợp đồng bảo đảm tiền vay và thực hiện các biện pháp bảo đảm tiền vay (nếu có) theo quy định của pháp luật và quy định của NHCSXH.

đ) Sau khi hoàn thiện hồ sơ vay vốn và đăng ký món vay trên hệ thống Intellect iDC, cán bộ tín dụng được phân công bàn giao hồ sơ vay vốn cho bộ phận kế toán làm căn cứ giải ngân cho khách hàng.

e) Trước khi giải ngân vốn vay, NHCSXH nơi cho vay thực hiện nhập kho hồ sơ bảo đảm tiền vay và giấy tờ liên quan đến bảo đảm tiền vay (nếu có); hướng dẫn khách hàng thực hiện mở tài khoản thanh toán theo quy định.

13. Giải ngân

a) NHCSXH nơi cho vay giải ngân cho khách hàng bằng hình thức chuyển khoản cho doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

b) Cán bộ NHCSXH nơi cho vay ghi đầy đủ nội dung “Chi phí đi làm việc ở nước ngoài của người lao động ... (ghi rõ họ tên) theo Hợp đồng số .../... ngày ... tháng ... năm ...” vào phần trích yếu trên chứng từ giao dịch và yêu cầu khách hàng ký nhận tiền vay trên phiếu giao dịch, Phụ lục Hợp đồng tín dụng theo quy định.

c) Cán bộ NHCSXH nơi cho vay phải đối chiếu chính xác các thông tin về số tài khoản, tên chủ tài khoản, ngân hàng nơi mở tài khoản của doanh nghiệp trên hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài hoặc văn bản xác nhận của doanh nghiệp.

14. Định kỳ hạn trả nợ gốc, trả lãi

a) Định kỳ hạn trả nợ gốc

NHCSXH nơi cho vay thỏa thuận với khách hàng về kỳ hạn trả nợ gốc theo quy định của NHCSXH (hiện nay tối đa không quá 12 tháng/kỳ).

b) Định kỳ hạn trả lãi: Theo tháng.

15. Thu nợ gốc, thu lãi

a) NHCSXH nơi cho vay thực hiện trích từ tài khoản thanh toán của khách hàng mở tại NHCSXH để thu nợ gốc, thu lãi theo thỏa thuận trên Hợp đồng tín dụng và quy định của NHCSXH.

b) Trường hợp khách hàng chưa trả hết lãi của kỳ này thì chuyển sang thu vào kỳ kế tiếp.

c) Khách hàng có thể trả nợ trước hạn

- Trường hợp khách hàng nộp tiền vào tài khoản thanh toán, NHCSXH nơi cho vay hướng dẫn khách hàng ghi rõ nội dung: “Nộp tiền trả nợ gốc và lãi tiền vay trước hạn cho Hợp đồng tín dụng số ...” trên Giấy nộp tiền vào tài khoản thanh toán của khách hàng và thực hiện thu theo đề nghị.

- Trường hợp khách hàng chuyển khoản vào tài khoản thanh toán, NHCSXH nơi cho vay hướng dẫn khách hàng ghi rõ nội dung chuyển khoản: “Nộp tiền trả nợ gốc và lãi tiền vay trước hạn cho Hợp đồng tín dụng số ...” và thông tin cho NHCSXH nơi cho vay để thực hiện thu nợ theo đề nghị.

d) Trường hợp NHCSXH nơi cho vay đã giải ngân nhưng khách hàng không đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng vì bất kỳ lý do nào, khách hàng vẫn phải có trách nhiệm, nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

16. Kiểm tra, giám sát

a) Trong vòng 30 ngày kể từ ngày giải ngân, NHCSXH nơi cho vay trực tiếp kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay. Kết quả kiểm tra được ghi vào Biên bản kiểm tra sử dụng vốn vay (Mẫu số 07/LĐNN). Cán bộ kiểm tra xác minh thông tin người lao động đi làm việc ở nước ngoài thông qua khách hàng hoặc người được ủy quyền và ghi nhận lại thông tin một trong các giấy tờ, tài liệu liên quan (bản sao kết quả cấp thị thực từ cơ quan có thẩm quyền, vé máy bay, thông báo xuất cảnh của doanh nghiệp, hộ chiếu có đóng dấu nhập cảnh) do khách hàng hoặc người được ủy quyền cung cấp.

Trường hợp không có giấy tờ, tài liệu chứng minh việc sử dụng vốn vay nêu trên, cán bộ kiểm tra thực hiện xác minh thông tin từ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố hoặc Công an cấp xã.

b) Việc kiểm tra có thể thực hiện đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền hoặc xuất phát từ nhu cầu thực tế của NHCSXH.

c) Đối với khoản vay trên 200 triệu đồng, ngoài việc NHCSXH nơi cho vay thực hiện kiểm tra theo quy định tại điểm a khoản này, chi nhánh NHCSXH thực hiện kiểm tra trong phạm vi 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Chi nhánh NHCSXH kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình cho vay, hồ sơ vay vốn, hồ sơ bảo đảm tiền vay, hiện trạng tài sản bảo đảm tiền vay, kiểm tra thực tế sử dụng vốn vay và các nội dung liên quan khác theo quy định.

17. Xử lý nợ đến hạn

a) Điều chỉnh kỳ hạn nợ gốc

- Trước 30 ngày khi đến hạn trả nợ gốc phân kỳ, NHCSXH nơi cho vay lập Thông báo nợ đến hạn (Mẫu số 10/LĐNN) gửi khách hàng để có kế hoạch thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định.

- Đến kỳ hạn trả nợ gốc, khách hàng không trả được nợ và có nhu cầu đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, trước 05 ngày đến hạn theo từng kỳ trả nợ, khách hàng hoặc người được ủy quyền lập Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ (Mẫu số 08/LĐNN) gửi NHCSXH nơi cho vay xem xét, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ. Thời hạn điều chỉnh cho một kỳ hạn trả nợ có thể được thực hiện một hoặc nhiều lần nhưng tối đa không quá 12 tháng cho mỗi kỳ hạn trả nợ.

- Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ được NHCSXH nơi cho vay xem xét phê duyệt và lưu tại hồ sơ vay vốn.

- Cán bộ kế toán ghi nhận nội dung điều chỉnh kỳ hạn trả nợ tại phần theo dõi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ trên Phụ lục Hợp đồng tín dụng.

b) Gia hạn nợ

- Trước 30 ngày khi đến hạn trả nợ gốc cuối cùng, NHCSXH nơi cho vay lập Thông báo nợ đến hạn (Mẫu số 10/LĐNN) gửi khách hàng để có kế hoạch thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định.

- Đến hạn trả nợ gốc cuối cùng, khách hàng không có khả năng trả được nợ thì được xem xét gia hạn nợ. Việc gia hạn nợ thực hiện theo quy định trong hệ thống NHCSXH.

c) Chuyển nợ quá hạn

- Đến kỳ hạn trả nợ gốc, bao gồm nợ của kỳ hạn trước đó đã được điều chỉnh mà khách hàng chưa trả được nợ, không được NHCSXH nơi cho vay điều chỉnh kỳ hạn trả nợ thì NHCSXH nơi cho vay chuyển phần dư nợ gốc phân kỳ chưa trả sang nợ quá hạn.

- Đến hạn cuối cùng của thời hạn cho vay đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng mà khách hàng chưa trả được nợ, không được NHCSXH nơi cho vay gia hạn nợ thì NHCSXH nơi cho vay chuyển toàn bộ số dư nợ gốc còn lại sang nợ quá hạn.

18. Xử lý các vi phạm

NHCSXH nơi cho vay quyết định biện pháp xử lý phù hợp như sau:

a) Thu hồi nợ trước hạn

NHCSXH có quyền thu hồi nợ trước hạn trong các trường hợp sau:

- Khách hàng cung cấp sai sự thật, vi phạm quy định trong Hợp đồng tín dụng hoặc Hợp đồng bảo đảm tiền vay (nếu có).

- Khách hàng vi phạm quy định pháp luật, có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc NHCSXH phải thu hồi nợ trước hạn.

b) Chuyển nợ quá hạn

- Các trường hợp chuyển nợ quá hạn:

+ Các trường hợp chuyển nợ quá hạn quy định tại điểm c khoản 17 văn bản này.

+ Các trường hợp thu hồi nợ trước hạn quy định tại điểm a khoản này nhưng khách hàng không thực hiện trả nợ theo kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo Biên bản kiểm tra sử dụng vốn vay thì chuyển số nợ gốc vi phạm chưa trả đó sang nợ quá hạn.

+ Khách hàng sử dụng tiền vay sai mục đích được ghi trong Hợp đồng tín dụng, tối đa 30 ngày kể từ ngày phát hiện sai phạm được ghi trong Biên bản

kiểm tra sử dụng vốn vay mà khách hàng không thực hiện trả hết số nợ gốc sử dụng sai mục đích thì chuyển số nợ gốc vi phạm chưa trả đó sang nợ quá hạn.

- Khi chuyển nợ quá hạn, NHCSXH nơi cho vay lập Thông báo chuyển nợ quá hạn (Mẫu số 11/LĐNN) gửi cho khách hàng; đồng thời, thông báo cho các cơ quan có liên quan (chính quyền địa phương, doanh nghiệp,...) để tìm biện pháp thu hồi nợ hoặc làm thủ tục chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật để đề nghị xử lý.

- Cán bộ kế toán ghi nhận nội dung chuyển nợ quá hạn tại phần theo dõi nợ quá hạn, nợ bị rủi ro trên Phụ lục Hợp đồng tín dụng.

c) Xử lý tài sản bảo đảm

Sau 06 tháng kể từ ngày chuyển số dư còn lại của khoản vay sang nợ quá hạn hoặc có số nợ quá hạn chiếm từ 50% trở lên trên tổng số tiền đã vay thì NHCSXH nơi cho vay xem xét xử lý tài sản bảo đảm hoặc chuyển hồ sơ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đề nghị xử lý. Việc xử lý tài sản bảo đảm được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận tại Hợp đồng bảo đảm tiền vay và theo quy định của pháp luật.

d) Khởi kiện trước pháp luật

NHCSXH nơi cho vay có quyền khởi kiện trong các trường hợp sau:

- Khách hàng vi phạm Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng bảo đảm tiền vay (nếu có) đã được NHCSXH nơi cho vay thông báo bằng văn bản nhưng không khắc phục.

- Khách hàng có nợ quá hạn, có năng lực tài chính, có khả năng trả nợ nhưng cố tình không trả nợ theo thỏa thuận.

- Khách hàng có hành vi lừa đảo, gian lận.

- Các vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

19. Xử lý nợ bị rủi ro

Việc xử lý nợ bị rủi ro được thực hiện theo quy định về quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH.

20. Hạch toán kế toán và lưu giữ hồ sơ vay vốn

Việc hạch toán kế toán và lưu giữ hồ sơ vay vốn được thực hiện theo hướng dẫn của Tổng Giám đốc NHCSXH.

21. Chế độ báo cáo thống kê

a) Báo cáo trong hệ thống NHCSXH: Việc báo cáo kết quả cho vay người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được thực hiện theo quy định của Tổng Giám đốc NHCSXH. Định kỳ hàng quý hoặc đột xuất khi có yêu cầu, Hội sở chính NHCSXH (Ban Kế hoạch Nguồn vốn) gửi Cục Việc làm, Bộ Nội vụ về kết quả thực hiện cho vay theo quy định tại tiết c khoản 7 Điều 35 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP.

b) Các đơn vị thuộc hệ thống NHCSXH lập báo cáo về thực hiện cho vay chương trình này theo yêu cầu của cơ quan có liên quan, Ủy ban nhân dân các cấp (nếu có).

22. Tổ chức thực hiện

a) Chi nhánh/Phòng giao dịch NHCSXH có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân, Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cùng cấp để triển khai thực hiện văn bản này; tổ chức tuyên truyền, phổ biến công khai nội dung Nghị định số 338/2025/NĐ-CP; tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho vay theo nội dung văn bản này đến toàn thể cán bộ trong đơn vị; thường xuyên kiểm tra, giám sát đảm bảo cho vay đúng quy định.

b) Hằng năm, NHCSXH nơi cho vay phối hợp, đề nghị cơ quan có thẩm quyền cung cấp nội dung và mức chi hỗ trợ đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng tại địa phương theo quy định tại Điều 14 Luật Việc làm số 74/2025/QH15 và Điều 30 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP làm cơ sở phục vụ công tác thẩm định, đối chiếu các khoản chi được ngân sách nhà nước hỗ trợ để xác định mức cho vay.

c) Đối với nguồn vốn do NHCSXH nhận ủy thác từ ngân sách địa phương, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để cho vay hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thì NHCSXH nơi nhận ủy thác căn cứ vào quy định Luật Việc làm số 74/2025/QH15, Nghị định số 338/2025/NĐ-CP, các văn bản có liên quan của cấp có thẩm quyền và nội dung văn bản này để tham mưu, thỏa thuận với bên ủy thác cho phù hợp.

23. Hiệu lực thi hành

a) Văn bản này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026. Văn bản số 7886/NHCS-TDNN ngày 24/10/2019 của Tổng Giám đốc hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và những nội dung khác trái với quy định tại văn bản này hết hiệu lực thi hành kể từ ngày văn bản này có hiệu lực.

b) Trường hợp khách hàng đang còn dư nợ chương trình này theo hướng dẫn tại văn bản số 7886/NHCS-TDNN hoặc đã ký kết Hợp đồng tín dụng với NHCSXH trước ngày văn bản này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

c) Trường hợp khách hàng đã nộp hồ sơ vay vốn trước ngày văn bản này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được NHCSXH phê duyệt cho vay thì thực hiện theo quy định tại văn bản này.

d) Những nội dung không hướng dẫn tại văn bản này, thực hiện theo quy định Luật Việc làm số 74/2025/QH15, Nghị định số 338/2025/NĐ-CP và các văn bản có liên quan của cấp có thẩm quyền.

đ) Trường hợp sau ngày văn bản này có hiệu lực, có sự thay đổi của các văn bản quy phạm pháp luật dẫn tới việc áp dụng văn bản này trái với quy định của pháp luật thì NHCSXH thực hiện theo quy định của pháp luật.

Yêu cầu chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố tổ chức triển khai thực hiện. Nếu có vướng mắc, báo cáo Tổng Giám đốc (qua Ban Tín dụng Người nghèo) để xem xét, giải quyết./

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Ngân hàng Nhà nước;
- Bộ Nội vụ;
- Chủ tịch HĐQT NHCSXH;
- Tổng Giám đốc, TBKS NHCSXH;
- Các PTGD, KTT;
- Các Ban CMNV tại Hội sở chính;
- TTĐT, TTCNTT, SGD;
- Chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố;
- Các Phòng giao dịch NHCSXH;
- Website NHCSXH;
- Lưu: VT, TDNN.

(để b/c)

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Huỳnh Văn Thuận

Phụ lục
DANH SÁCH CÁC MẪU BIỂU
(Kèm theo văn bản số 1068/HD-NHCS ngày 30/12/2025 của Tổng Giám đốc NHCSXH)

Stt	Tên mẫu biểu	Nội dung mẫu biểu
1	01/LĐNN	Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng
2	02/LĐNN	Văn bản ủy quyền
3	03/LĐNN	Phiếu tiếp nhận hồ sơ vay vốn
4	04/LĐNN	Báo cáo thẩm định
5	05/LĐNN	Thông báo kết quả phê duyệt cho vay
6	05a/LĐNN	Thông báo từ chối cho vay
7	06/LĐNN	Hợp đồng tín dụng
8	07/LĐNN	Biên bản kiểm tra sử dụng vốn vay
9	08/LĐNN	Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ
10	09B/TD	Giấy đề nghị gia hạn nợ (ban hành kèm theo Quyết định số 54/QĐ-HĐQT ngày 15/9/2023 của Hội đồng quản trị NHCSXH)
11	10/LĐNN	Thông báo nợ đến hạn
12	11/LĐNN	Thông báo chuyển nợ quá hạn

Ghi chú: Các mẫu biểu về bảo đảm tiền vay (nếu có) theo quy định hiện hành của NHCSXH.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN HỖ TRỢ
ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG

Kính gửi:

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh: ... / ... / Dân tộc: ; Giới tính:

Thẻ căn cước/Căn cước công dân số:

Ngày cấp: ... / ... / ; Ngày hết hạn: ... / ... / ; Nơi cấp:

Nơi thường trú:

Nơi ở hiện tại:

Điện thoại:

I. Thông tin về đối tượng được vay vốn với mức lãi suất thấp hơn

☐ 1.1. Không thuộc đối tượng được vay vốn với mức lãi suất thấp hơn.

☐ 1.2. Thuộc đối tượng được vay vốn với mức lãi suất thấp hơn, cụ thể:

☐ Người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo.

☐ Người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo đang sinh sống tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

☐ Đối tượng khác (nếu có):

2. Thông tin hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

☐ 2.1. Không được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

☐ 2.2. Được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, cụ thể:

a) Đối tượng được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

☐ Người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng.

☐ Người dân tộc thiểu số.

☐ Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

☐ Người có đất thu hồi thuộc đối tượng được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định của pháp luật về đất đai.

☐ Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

☐ Thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

☐ Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

☐ Thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

☐ Trí thức trẻ tình nguyện sau khi hoàn thành nhiệm vụ công tác tại khu kinh tế - quốc phòng.

☐ Đối tượng khác (nếu có):

b) Số tiền được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

☐ Số tiền đã nhận/ sẽ nhận từ ngân sách nhà nước: đồng.

Chi tiết¹:

☐ Được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước nhưng không đề nghị nhận tiền.

3. Thông tin về nhu cầu vay vốn

Tôi có nhu cầu vay vốn để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng số tại quốc gia/vùng lãnh thổ ký ngày/...../..... với doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài:, địa chỉ:, trong thời hạn tháng.

4. Đề nghị vay vốn

a) Đề nghị Ngân hàng cho vay số tiền: đồng²

(Bằng chữ:)

b) Thời hạn vay: tháng.

c) Định kỳ hạn trả gốc: tháng/kỳ; Trả lãi: hàng tháng.

d) Tài sản bảo đảm tiền vay (nếu có):

Stt	Tên tài sản	Số lượng	Giá trị ước tính (đồng)	Giấy tờ về tài sản

5. Tôi cam kết những nội dung kê khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai; sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của NHCSXH./.

....., ngày ... tháng ... năm

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ VAY VỐN

(Ký và ghi rõ họ tên)

¹ Kê khai đầy đủ, chi tiết nội dung, số tiền được hỗ trợ phù hợp với quy định.

² Số tiền đề nghị vay vốn đã loại trừ các khoản được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ỦY QUYỀN

Căn cứ Bộ Luật dân sự năm 2015 và các quy định pháp luật khác có liên quan;
Căn cứ Hợp đồng đưa người đi lao động ở nước ngoài số.....ký
ngày.....giữa Ông (Bà) với doanh nghiệp.....
Hôm nay, ngày tháng năm tại chúng tôi gồm:

I. BÊN ỦY QUYỀN

1. Họ tên người ủy quyền:; Năm sinh:.....
2. Thẻ căn cước/căn cước công dân số:;
Ngày cấp: ... /... /.....; Ngày hết hạn/...../.....; Nơi cấp:
3. Nơi thường trú:
4. Nơi ở hiện tại:
5. Số điện thoại:; Địa chỉ thư điện tử:.....

II. BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

1. Họ tên người được ủy quyền:; Năm sinh:
2. Thẻ căn cước/căn cước công dân số:;
Ngày cấp: ... /... /.....; Ngày hết hạn:/...../.....; Nơi cấp
3. Nơi thường trú:
4. Nơi ở hiện tại:
5. Số điện thoại:; Địa chỉ thư điện tử:

III. NỘI DUNG ỦY QUYỀN

Bên ủy quyền ủy quyền cho Bên được ủy quyền thực hiện một số nội dung công việc, nghĩa vụ của Bên ủy quyền trong việc thực hiện vay vốn tại Chi nhánh/Phòng giao dịch NHCSXH.....
(sau đây gọi là NHCSXH nơi cho vay) trong thời gian Bên ủy quyền đang làm việc ở nước ngoài, như sau:

1. Bên ủy quyền ủy quyền cho Bên được ủy quyền thực hiện nộp tiền vào tài khoản tiền gửi thanh toán của Bên ủy quyền mở tại NHCSXH nơi cho vay để NHCSXH nơi cho vay thực hiện trích thu nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng đã được ký kết giữa Bên ủy quyền với NHCSXH nơi cho vay.

2. Bên được ủy quyền được thay mặt bên ủy quyền để nhận các thông báo từ NHCSXH nơi cho vay và thực hiện các thủ tục đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ trong trường hợp chưa trả nợ gốc theo thỏa thuận trên Hợp đồng

tín dụng, đề nghị khoan nợ khi người ủy quyền gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan, chưa có khả năng trả nợ và cung cấp các giấy tờ cần thiết kèm theo hồ sơ đề nghị xử lý nợ; một số nội dung công việc, hồ sơ thủ tục khác theo yêu cầu của NHCSXH nơi cho vay.

3. Lưu giữ và cung cấp giấy tờ, tài liệu chứng minh việc sử dụng vốn vay của người ủy quyền cho Ngân hàng, bao gồm bản sao một trong các loại giấy tờ sau: kết quả cấp thị thực của cơ quan có thẩm quyền, vé máy bay, thông báo xuất cảnh của doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, hộ chiếu có đóng dấu nhập cảnh.

IV. CAM KẾT

1. Các bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung ủy quyền tại văn bản này.

2. Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực khi quyền và nghĩa vụ giữa người ủy quyền với Ngân hàng Chính sách xã hội kết thúc theo quy định.

3. Bên ủy quyền và Bên được ủy quyền đã hiểu rõ mọi quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình. Chúng tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi cam kết trong nội dung ủy quyền nêu trên.

Giấy ủy quyền này được lập 03 bản có giá trị pháp lý như: 01 bản gửi NHCSXH nơi cho vay, Bên ủy quyền và Bên được ủy quyền mỗi người giữ 01 bản./.

BÊN ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên)

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Văn bản ủy quyền được các bên thỏa thuận thực hiện công chứng hoặc chứng thực tại cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định hiện hành của pháp luật.

Lua

NHCSXH TỈNH/TP.....
PHÒNG GIAO DỊCH.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

PHIẾU TIẾP NHẬN HỒ SƠ VAY VỐN

Kính gửi: Ông (bà):

Địa chỉ:

Vào hồi ... giờ ... phút, ngày tháng năm 20....., Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH).....đã tiếp nhận hồ sơ vay vốn của khách hàng:.....

Nơi thường trú:

Nơi ở hiện tại:

Số điện thoại: Địa chỉ thư điện tử:.....

Hồ sơ vay vốn của khách hàng gồm có:

Stt	Tên giấy tờ	Bản gốc/bản chính	Bản sao từ sổ gốc	Bản sao có chứng thực	Bản sao đã đối chiếu bản chính
1	Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng				
2	Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng vay vốn với mức lãi suất thấp hơn theo quy định (nếu có) - Giấy -				
3	Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài đã ký kết giữa khách hàng với doanh nghiệp				
4	Hộ chiếu còn thời hạn của khách hàng				
5	Các giấy tờ chứng minh về tài sản bảo đảm (nếu có)				
6	Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng tại thời điểm nộp hồ sơ (nếu có) ¹ .				
7	Văn bản ủy quyền				

¹ Trường hợp khách hàng kê khai đã nhận được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thì phải có hồ sơ này

Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ vay vốn, Chi nhánh/Phòng giao dịch NHCSXH sẽ gửi Thông báo kết quả phê duyệt cho vay/Thông báo từ chối cho vay về địa chỉ của khách hàng./.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

(Ký, ghi rõ họ tên)

CÁN BỘ TIẾP NHẬN

(Ký, ghi rõ họ tên)

luc

NHCSXH TỈNH/TP.....
PHÒNG GIAO DỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Căn cứ Luật Việc làm số 74/2025/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc Hội;

Căn cứ Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng số 69/2020/QH14 ngày 13/11/2020 của Quốc Hội;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm;

Căn cứ văn bản hướng dẫn số/HD-NHCS ngày12/2025 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) về hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Tên tôi là Chức vụ:
đã tiến hành thẩm định hồ sơ đề nghị vay vốn của người vay vốn. Thời gian thẩm định từ ngày/...../..... đến ngày/...../..... và báo cáo kết quả như sau:

I. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

1. Thông tin về khách hàng vay vốn

Họ và tên khách hàng vay vốn:

Ngày sinh:/...../.....; Dân tộc.....; Giới tính:

Thẻ căn cước/căn cước công dân số:

Ngày cấp/...../.....; Ngày hết hạn/...../.....; Nơi cấp

Hộ chiếu số ngày cấp...../...../..... có thời hạn đến/...../.....

Nơi thường trú:.....

Nơi ở hiện tại:.....

Số điện thoại: Địa chỉ thư điện tử:.....

2. Thông tin về người được ủy quyền

Họ và tên người được ủy quyền:

Ngày sinh:/...../.....; Dân tộc:; Giới tính:

Thẻ căn cước/căn cước công dân số:

Ngày cấp/...../.....; Ngày hết hạn/...../.....; Nơi cấp

Nơi thường trú:.....

Nơi ở hiện tại:.....

Số điện thoại: Địa chỉ thư điện tử:.....

Về năng lực hành vi dân sự:

Cam kết của người được ủy quyền về việc trả nợ gốc, trả lãi và thực hiện các nội dung được ủy quyền:

3. Kết quả kiểm tra tính đầy đủ, chính xác hồ sơ vay vốn

a) Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (Mẫu số 01/LĐNN)

b) Văn bản ủy quyền (Mẫu số 02/LĐNN)

c) Hợp đồng đưa người đi lao động ở nước ngoài

- Doanh nghiệp ký hợp đồng với người lao động được cấp phép của Bộ Nội vụ, có tên trên website của Cục Quản lý lao động ngoài nước (<https://dolab.moha.gov.vn/New/Default.aspx>)

- Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài do doanh nghiệp ký với người lao động đảm bảo đầy đủ các nội dung theo quy định, do đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài ký với người lao động¹

- Chi phí trong hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài phù hợp với các quy định hiện hành (trường hợp có khoản chi phí bất thường, ngoài quy định thì doanh nghiệp ký kết hợp đồng với người lao động phải có ý kiến giải trình)

- Xác minh thông tin tài khoản, đơn vị thụ hưởng có khớp đúng với tên doanh nghiệp đã ký kết với người lao động để nhận tiền vay của người lao động hay không²

- Xác định thời hạn đi làm việc ở nước ngoài của người lao động trên hợp đồng làm cơ sở phê duyệt cho vay:

- Các loại giấy tờ khác (nếu có):

d) Giấy tờ chứng minh đối tượng được vay vốn mức lãi suất thấp hơn

- Tài liệu chứng minh thuộc đối tượngđã đầy đủ, đảm bảo theo quy định, bao gồm:

+ Khách hàng có địa chỉ nơi ở hiện tại thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.³

+

4. Kết quả thẩm định các khoản hỗ trợ từ ngân sách nhà nước⁴

¹ NHCSXH nơi cho vay đối chiếu với mẫu hợp đồng theo quy định của Thông tư (hiện nay là Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 02/2024/TT-BLĐTBXH ngày 23/02/2024);

² Thông tin trên hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài đã ký giữa doanh nghiệp và người lao động hoặc theo văn bản của doanh nghiệp.

³ Đối với trường hợp khách hàng thuộc đối tượng người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Khách hàng thuộc đối tượng và đã nhận hỗ trợ từ ngân sách nhà nước
.....
- Khách hàng thuộc đối tượng và sẽ nhận hỗ trợ từ ngân sách nhà nước
.....
- Khách hàng thuộc đối tượng hỗ trợ và không nhận hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.....
- Khách hàng không thuộc đối tượng hỗ trợ từ ngân sách nhà nước
.....

5. Kiểm tra thực tế đối với khách hàng

- Năng lực hành vi dân sự của khách hàng:
- Thực trạng cư trú của khách hàng:
- Số tiền đề nghị vay vốn: đồng.
(Bằng chữ:)
- Mục đích sử dụng tiền vay⁵:
- Thời hạn đề nghị vay vốn: kể từ ngày/...../..... đến ngày/...../.....⁶
- Nguồn trả nợ:
- Cam kết của người vay:
- Các nội dung liên quan khác

6. Thông tin về tài sản bảo đảm (nếu có)

Stt	Tên tài sản	Số lượng	Giấy tờ về tài sản	Giá trị (ước tính)

Nhận xét, đánh giá (tính pháp lý, giá trị TSBĐ, khả năng chuyển nhượng, khả năng quản lý tài sản).....

7. Kết luận (Đánh giá chung về các nội dung đã thẩm định; khách hàng đủ điều kiện/không đủ điều kiện vay vốn, lý do không đủ điều kiện (nếu có))

⁴ Cán bộ thẩm định đối chiếu với thông tin nội dung và mức chi hỗ trợ đối với lao động tại địa phương được cơ quan có thẩm quyền cung cấp.

⁵ Ghi rõ thị trường đi làm việc ở nước ngoài, số tiền ghi trên hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

⁶ Xác định theo thời hạn của hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài đã ký kết với doanh nghiệp, không bao gồm thời gian gia hạn hợp đồng.

II. NỘI DUNG PHÊ DUYỆT CHO VAY

1. Căn cứ hồ sơ vay vốn và kết quả thẩm định, cán bộ tín dụng đề nghị:

- Không phê duyệt cho vay. Lý do:

- Phê duyệt cho vay với nội dung cụ thể như sau:

a) Tổng số tiền cho vay: đồng.

(Bằng chữ:)

b) Thời hạn cho vay tháng.

c) Lãi suất cho vay: %/năm; Lãi suất quá hạn: 130% lãi suất cho vay.

d) Định kỳ hạn trả nợ gốc: tháng/kỳ, trả lãi hằng tháng.

đ) Mục đích sử dụng tiền vay:

e) Nguồn vốn:

g) Hình thức giải ngân: Chuyển khoản cho doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Tên đơn vị thụ hưởng: Số tài khoản tại Ngân hàng

....., ngày tháng năm

CÁN BỘ THẨM ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ và tên)

2. Kiểm soát và phê duyệt cho vay

Duyệt/không duyệt cho vay:

Lý do không duyệt cho vay:

....., ngày tháng năm

TRƯỞNG PHÒNG KH-NVTD

(TỔ TRƯỞNG TỔ KH-NV)

(Ký và ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú: Báo cáo Thẩm định được đánh máy, cán bộ thẩm định nhận xét đầy đủ, chi tiết cho từng nội dung thẩm định.

lưu

NHCSXH TỈNH, TP....
PHÒNG GIAO DỊCH.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO TỪ CHỐI CHO VAY

Kính gửi: Ông (Bà)

Địa chỉ:

Ngày..... tháng năm, Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) đã nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị vay vốn của Ông (Bà).

Sau khi kiểm tra, thẩm định, Chi nhánh/Phòng giao dịch NHCSXH thông báo từ chối cho vay đối với Ông (Bà)..... vì những lý do như sau:

1.
2.
3.

Trường hợp Ông (Bà) có nhu cầu nhận lại hồ sơ đã nộp cho Ngân hàng, trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo này, đề nghị Ông (Bà) đến trụ sở Chi nhánh/Phòng giao dịch NHCSXH địa chỉ trong giờ làm việc để nhận lại hồ sơ, nếu Ông (Bà) không đến nhận lại hồ sơ, NHCSXH sẽ hủy hồ sơ đề nghị vay vốn theo quy định.

Trân trọng thông báo!

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



NHCSXH TỈNH, TP.....
PHÒNG GIAO DỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

**THÔNG BÁO
KẾT QUẢ PHÊ DUYỆT CHO VAY**

Kính gửi: Ông (Bà)

Địa chỉ:.....

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH)
..... thông báo phê duyệt cho vay đối với
Ông (Bà) như sau:

1. Tổng số tiền cho vay: đồng.

(Bằng chữ:)

2. Mục đích sử dụng vốn vay:

3. Lãi suất:

- Lãi suất cho vay:%/năm

- Lãi suất nợ quá hạn:%/năm

4. Thời hạn cho vay: tháng

Chi nhánh/Phòng giao dịch NHCSXH trân trọng thông báo để Ông (Bà)
đến địa chỉ vào lúc giờ phút,
ngày /..... /..... để ký Hợp đồng tín dụng và làm các thủ tục liên quan
theo đúng quy định.

Để biết thêm thông tin chi tiết, xin liên hệ số điện thoại:...../.

Trân trọng thông báo!

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG¹
Số: /HD-TD

Căn cứ Bộ Luật dân sự năm 2015 và các quy định pháp luật khác có liên quan;
Căn cứ Luật Việc làm số 74/2025/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội;
Căn cứ Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng số 69/2020/QH14 ngày 13/11/2020 của Quốc hội;
Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 về tín dụng cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác;
Căn cứ Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm;
Căn cứ văn bản số: /HD-NHCS ngày /12/2025 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội về việc hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;
Căn cứ hồ sơ vay vốn của Ông (Bà) ngày tháng năm

Hôm nay, ngày tháng năm tại chúng tôi gồm:

BÊN CHO VAY:

- Ngân hàng Chính sách xã hội:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Địa chỉ thư điện tử:
- Người đại diện: Chức vụ:
- Giấy ủy quyền (nếu có): Số ngày tháng ... năm của

BÊN VAY:

- Họ tên người vay:; Ngày sinh:
- Thẻ căn cước/Căn cước công dân số:
Ngày cấp/...../.....; Ngày hết hạn/...../.....; Nơi cấp
- Nơi thường trú:
- Nơi ở hiện tại:
- Điện thoại: Địa chỉ thư điện tử:
- Tài khoản thanh toán: tại NHCSXH

Hai Bên cùng thống nhất ký kết Hợp đồng này theo các nội dung thỏa thuận sau đây:

¹ Hợp đồng tín dụng được đánh máy và đóng dấu giáp lai, Bên cho vay (Trưởng phòng Kế hoạch – Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Tổ Kế hoạch – Nghiệp vụ) và Bên vay cùng ký nháy vào từng trang.

Điều 1. Nội dung cho vay

1. Tổng số tiền cho vay: đồng.
(Bằng chữ:).
2. Đồng tiền cho vay và trả nợ: Việt Nam Đồng (VNĐ)
3. Thời hạn cho vay: tháng, bắt đầu từ/...../.....; hạn trả nợ cuối cùng ngày/...../.....;
4. Hình thức giải ngân: chuyển khoản
5. Lãi suất cho vay:
 - Lãi suất cho vay:%/năm.
 - Lãi suất quá hạn: 130% lãi suất cho vay
6. Kỳ hạn trả nợ gốc, lãi
 - a) Kỳ hạn trả nợ gốc : tháng/1 kỳ :
Các kỳ hạn trả nợ cụ thể như sau sau:
 Kỳ 1. Ngày...../...../..... số tiền trả nợ gốc đồng
 Kỳ 2. Ngày...../...../..... số tiền trả nợ gốc đồng
 Kỳ 3. Ngày...../...../..... số tiền trả nợ gốc đồng

 - b) Kỳ hạn trả lãi: trả hằng tháng.
7. Thu nợ gốc, lãi
 - a) Thỏa thuận về trả nợ gốc, trả lãi
 Đến kỳ hạn theo thỏa thuận trên Hợp đồng tín dụng, Bên cho vay được tự động trích từ tài khoản thanh toán của Bên vay mở tại NHCSXH nơi cho vay để thu nợ gốc, lãi;
 - b) Bên vay có thể trả nợ trước hạn
 - Trường hợp Bên vay chuyển khoản vào tài khoản thanh toán, Bên vay ghi rõ nội dung chuyển khoản: “Nộp tiền trả nợ gốc và lãi tiền vay trước hạn cho Hợp đồng tín dụng số ...” và thông tin cho Bên cho vay để thực hiện thu nợ theo đề nghị.
 - Trường hợp Bên vay nộp tiền vào tài khoản thanh toán, Bên vay ghi rõ nội dung: “Nộp tiền trả nợ gốc và lãi tiền vay trước hạn cho Hợp đồng tín dụng số ...” trên Giấy nộp tiền. Bên cho vay thực hiện thu theo đề nghị.
 - c) Thứ tự thu nợ gốc, lãi của khoản vay theo quy định hiện hành của Bên cho vay.

Điều 2. Giải ngân

1. Tiền vay được giải ngân sau khi Bên vay hoàn thiện các thủ tục, hồ sơ.
 Hình thức giải ngân: Chuyển khoản
 Tên đơn vị thụ hưởng:.....
 Số tài khoản mở tại theo Hợp đồng đã ký kết giữa Bên vay và doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước

ngoài theo hợp đồng/Văn bản xác nhận của doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

2. Khi giải ngân, Bên vay phải mang Hợp đồng tín dụng này để các bên cùng ký xác nhận vào Phụ lục Hợp đồng, phần theo dõi cho vay (Phụ lục Hợp đồng tín dụng là phần không tách rời của Hợp đồng tín dụng).

Điều 3. Mục đích sử dụng tiền vay

.....

Điều 4. Bảo đảm tiền vay (nếu có)

1. Tài sản bảo đảm là do cấp.
 Địa chỉ
 Giấy tờ pháp lý về tài sản:

2. Tổng giá trị tài sản bảo đảm là đồng để bảo đảm cho nghĩa vụ của món vay được quy định tại Hợp đồng tín dụng này.

3. Chi tiết về tài sản bảo đảm tiền vay được quy định chi tiết tại Hợp đồng bảo đảm tiền vay được giao kết giữa Bên cho vay và Bên bảo đảm.

4. Bên vay được quyền rút toàn bộ giấy tờ về tài sản bảo đảm sau khi đã trả hết nợ gốc và lãi.

5. Bên cho vay được quyền xử lý tài sản bảo đảm theo quy định hiện hành để thu hồi vốn trong trường hợp Bên vay vi phạm các thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và không thể khắc phục được.

6. Bên cho vay thực hiện kiểm tra tài sản bảo đảm đột xuất hoặc định kỳ.

7. Bên vay không dùng tài sản nêu tại khoản 1 Điều này để đảm bảo cho các nghĩa vụ của mình tại tổ chức tín dụng khác; không được chuyển nhượng tài sản này khi chưa được sự đồng ý của Bên cho vay hoặc chưa trả hết nợ gốc và lãi cho Bên cho vay.

Điều 5. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

1. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc

Đến kỳ hạn trả nợ gốc, Bên vay không trả được nợ và có nhu cầu đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, trước 05 ngày đến hạn theo từng kỳ trả nợ, Bên vay lập Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gửi Bên cho vay xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ. Thời hạn điều chỉnh cho một kỳ hạn trả nợ có thể được thực hiện một hoặc nhiều lần nhưng tối đa không quá 12 tháng cho mỗi kỳ hạn trả nợ.

2. Gia hạn nợ

Trước ngày đến hạn trả nợ cuối cùng, tối đa 03 tháng và tối thiểu 05 ngày làm việc, Bên vay không có khả năng trả được nợ do nguyên nhân khách quan và có nhu cầu gia hạn nợ, Bên vay phải lập Giấy đề nghị gia hạn nợ gửi Bên cho vay để xem xét cho gia hạn nợ theo quy định của Bên cho vay.

3. Chuyển nợ quá hạn

- Đến kỳ hạn trả nợ gốc, bao gồm nợ của kỳ hạn trước đó đã được điều chỉnh mà Bên vay chưa trả được nợ, không được Bên cho vay điều chỉnh kỳ hạn trả nợ thì Bên cho vay chuyển phần dư nợ gốc phân kỳ chưa trả sang nợ quá hạn.

- Đến hạn cuối cùng của thời hạn cho vay đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng mà Bên vay chưa trả được nợ, không được Bên cho vay gia hạn nợ thì Bên cho vay chuyển toàn bộ số dư nợ gốc còn lại sang nợ quá hạn.

Điều 6. Xử lý các vi phạm

1. Thu hồi nợ trước hạn

Bên cho vay có quyền thu hồi nợ trước hạn trong các trường hợp sau:

- Bên vay cung cấp sai sự thật, vi phạm quy định trong Hợp đồng tín dụng hoặc Hợp đồng bảo đảm tiền vay (nếu có).

- Bên vay vi phạm quy định pháp luật, có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc Bên cho vay phải thu hồi nợ trước hạn.

2. Chuyển nợ quá hạn

a) Các trường hợp chuyển nợ quá hạn

- Các trường hợp chuyển nợ quá hạn quy định tại khoản 3 Điều 5 Hợp đồng tín dụng này.

- Các trường hợp thu hồi nợ trước hạn quy định tại khoản 1 Điều này nhưng Bên vay không thực hiện trả nợ theo kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo Biên bản kiểm tra sử dụng vốn vay thì chuyển số nợ gốc vi phạm chưa trả đó sang nợ quá hạn.

- Bên vay sử dụng tiền vay sai mục đích được ghi trong Hợp đồng tín dụng, tối đa 30 ngày kể từ ngày phát hiện sai phạm được ghi trong Biên bản kiểm tra sử dụng vốn vay mà Bên vay không thực hiện trả hết số nợ gốc sử dụng sai mục đích thì chuyển số nợ gốc vi phạm chưa trả đó sang nợ quá hạn.

b) Khi chuyển nợ quá hạn, Bên cho vay lập Thông báo chuyển nợ quá hạn gửi Bên vay; đồng thời, thông báo cho các cơ quan có liên quan (doanh nghiệp, chính quyền địa phương,...) để tìm biện pháp thu hồi nợ hoặc làm thủ tục chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật để đề nghị xử lý.

2. Xử lý tài sản bảo đảm

Sau 06 tháng kể từ ngày chuyển số dư còn lại của khoản vay sang nợ quá hạn hoặc có số nợ quá hạn chiếm từ 50% trở lên trên tổng số tiền đã vay thì Bên cho vay xem xét xử lý tài sản bảo đảm hoặc chuyển hồ sơ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đề nghị xử lý. Việc xử lý tài sản bảo đảm thực hiện trên cơ sở thỏa thuận tại Hợp đồng bảo đảm tiền vay và theo quy định của pháp luật.

3. Khởi kiện trước pháp luật

Bên cho vay có quyền khởi kiện trong các trường hợp sau:

- Bên vay vi phạm Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng bảo đảm tiền vay (nếu có) đã được Bên cho vay thông báo bằng văn bản nhưng không khắc phục.

- Bên vay có nợ quá hạn, có năng lực tài chính, có khả năng trả nợ nhưng cố tình không trả nợ theo thỏa thuận.

- Bên vay có hành vi lừa đảo, gian lận.

- Bên vay vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Bên cho vay

1. Thực hiện đúng nội dung đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng này, các quy định nghiệp vụ cho vay của NHCSXH và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

2. Có quyền yêu cầu Bên vay thực hiện các điều khoản thỏa thuận.

3. Có quyền trực tiếp kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay, trả nợ và yêu cầu Bên vay cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết liên quan đến khoản vay.

4. Được quyền trích tài khoản thanh toán của Bên vay tại các chi nhánh, phòng giao dịch thuộc NHCSXH để thu nợ.

5. Được quyền yêu cầu doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài có nghĩa vụ: sử dụng vốn vay của Bên vay đúng mục đích; phối hợp cùng NHCSXH nơi cho vay trong việc thu hồi nợ của Bên vay.

6. Khởi kiện, tố cáo Bên vay vi phạm Hợp đồng tín dụng hoặc doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài sử dụng vốn vay của người đi lao động không đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

7. Đến kỳ hạn trả nợ cuối cùng, Bên vay không trả được nợ, không được Bên cho vay xem xét gia hạn nợ, Bên cho vay có quyền xử lý tài sản bảo đảm tiền vay theo thỏa thuận trong Hợp đồng bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

8. Các quy định khác nếu có.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Bên vay

1. Thực hiện đúng nội dung đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng này, các quy định nghiệp vụ cho vay của NHCSXH và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Được quyền yêu cầu Bên cho vay thực hiện đúng các điều khoản thỏa thuận.

3. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến vay vốn, trong đó có thông tin được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước tại hồ sơ vay vốn và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp.

4. Trả nợ gốc, lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và các văn bản đã cam kết; được trả nợ gốc trước hạn.

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Bên cho vay và các cơ quan có thẩm quyền trong sử dụng vốn vay và trả nợ.

6. Phải thông báo kịp thời cho Bên cho vay những thay đổi về nơi cư trú, địa chỉ liên lạc, số điện thoại và những thay đổi khác ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Bên vay.

7. Tạo điều kiện thuận lợi để NHCSXH kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng vốn vay, tình hình tài sản bảo đảm tiền vay.

8. Trường hợp, Bên cho vay đã giải ngân số tiền vay cho Bên vay bằng hình thức chuyển khoản cho doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài nhưng Bên vay không đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài với bất kỳ lý do nào, thì Bên vay vẫn phải có trách nhiệm, nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký với Bên cho vay.

9. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi không thực hiện đúng những thỏa thuận về việc trả nợ tiền vay.

Điều 9. Cam kết chung

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của Hợp đồng tín dụng này. Mọi sửa đổi, bổ sung nội dung của các điều, khoản phải được sự thỏa thuận của hai bên bằng văn bản.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có tranh chấp xảy ra thì hai bên thống nhất giải quyết bằng thương lượng dựa trên nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi. Trường hợp không thương lượng được thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc khởi kiện theo pháp luật.

3. Hợp đồng tín dụng này và các văn bản bổ sung Hợp đồng tín dụng (nếu có) là một bộ phận thống nhất không thể tách rời nhau, các Bên phải có nghĩa vụ chấp hành.

4. Khi Bên vay trả hết nợ gốc, lãi và các chi phí phát sinh khác (nếu có) theo Hợp đồng tín dụng này, thì Hợp đồng tín dụng hết hiệu lực thi hành.

5. Các nội dung không quy định tại Hợp đồng tín dụng này sẽ được thực hiện theo các văn bản quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 10. Một số thỏa thuận khác

Điều 11. Hợp đồng tín dụng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, 01 bản lưu tại Bên cho vay, 01 bản gửi Bên vay.

Hợp đồng tín dụng có hiệu lực kể từ ngày ký cho tới khi Bên vay hoàn thành nghĩa vụ trả nợ, bao gồm cả tiền gốc, lãi và các chi phí phát sinh khác (nếu có)/.

ĐẠI DIỆN BÊN CHO VAY

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN VAY

(Ký, ghi rõ họ tên)

lưu

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

(kèm theo Hợp đồng tín dụng số: /20.... /HĐ-TD ngày ... /... /.....)

1. Phần theo dõi cho vay

Đơn vị: đồng

Ngày, tháng, năm	Số tiền giải ngân	Lãi suất %/năm	Hạn trả nợ cuối cùng	Dư nợ	Chữ ký	
					Bên vay	Kế toán
1	2	3	4	5	6	7

2. Phần theo dõi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ

Đơn vị: đồng

Ngày, tháng, năm	Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ		Gia hạn nợ		Chữ ký	
	Số tiền	Đến ngày, tháng, năm	Số tiền	Đến ngày, tháng, năm	Bên vay	Kế toán
1	2	3	4	5	6	7

3. Phần theo dõi nợ quá hạn, nợ bị rủi ro

Đơn vị: đồng

Ngày, tháng, năm	Diễn giải	Số tiền chuyển nợ quá hạn/khoanh nợ/xoá nợ	Dư nợ quá hạn/khoanh nợ/xoá nợ	Chữ ký	
				Bên vay	Kế toán
1	2	3	4	5	6

la

NHCSXH TỈNH, TP.....
PHÒNG GIAO DỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN
KIỂM TRA SỬ DỤNG VỐN VAY¹**

Hôm nay, ngày tháng năm tại, chúng tôi gồm:

THÀNH PHẦN THAM GIA KIỂM TRA

- Ông (Bà) Chức vụ:
- Ông (Bà) Chức vụ
- Ông (Bà) Chức vụ

KHÁCH HÀNG VAY VỐN (NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN)

- Ông (Bà)
- Ông (Bà)

Cùng nhau tiến hành kiểm tra việc sử dụng vốn vay của khách hàng vay vốn là ông (Bà): theo Hợp đồng tín dụng số ký ngày .../.../..... với Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) với các nội dung sau:

I. CÁC THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Tổng số tiền được vay là.....đồng.
(Bằng chữ:.....)
2. Mục đích sử dụng vốn vay:
3. Lãi suất:
 - Lãi suất cho vay:%/năm
 - Lãi suất nợ quá hạn:%/năm
4. Thời hạn cho vay tháng, kể từ ngày/...../..... đến ngày/...../.....;
5. Cam kết trả nợ tháng/kỳ, số tiền gốc...../kỳ.

II. NỘI DUNG KIỂM TRA

1. Về việc sử dụng vốn vay²:

¹ Biên bản kiểm tra sử dụng vốn vay được sử dụng cho việc kiểm tra sau thời điểm giải ngân 30 ngày và kiểm tra đột xuất.

² Ghi nhận người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, cán bộ kiểm tra xác minh thông qua khách hàng hoặc người được ủy quyền và ghi nhận lại thông tin một trong giấy tờ, tài liệu liên quan (bản sao kết quả cấp thị thực từ cơ quan có thẩm quyền, vé máy bay, thông báo xuất cảnh của doanh nghiệp, hộ chiếu có đóng dấu nhập cảnh). Trường hợp không có giấy tờ, tài liệu chứng minh việc sử dụng vốn vay nêu trên, cán bộ kiểm tra thực hiện xác minh thêm thông tin từ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố hoặc Công an cấp xã.

.....

.....

.....

.....

.....

2. Đối chiếu dư nợ vay

a) Số tiền NHCSXH đã giải ngân cho vay ngày..... /.... / làđồng.

b) Kiểm tra thực tế

- Số tiền vay thực nhận làđồng.

- Dư nợ đến thời điểm kiểm tra là đồng, lãi đã trả đến tháng /

- Số tiền lãi đã trả là đồng.

- Chênh lệch:

3. Kiểm tra tài sản bảo đảm (nếu có): Căn cứ vào Hợp đồng thế chấp tài sản, các thông tin về tài sản bảo đảm để kiểm tra, đánh giá về tình trạng thay đổi đối với tài sản để bảo đảm tiền vay

III. Ý KIẾN CỦA CÁN BỘ KIỂM TRA

.....

.....

.....

.....

IV. Ý KIẾN CỦA KHÁCH HÀNG VAY VỐN (NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN)

.....

.....

.....

.....

THÀNH PHẦN KHÁC³
(nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên)

**KHÁCH HÀNG VAY VỐN
HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**
(Ký, ghi rõ họ tên)

CÁN BỘ KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên)

³ Công an xã/Trưởng thôn/Tổ trưởng Tổ dân phố

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH KỲ HẠN TRẢ NỢ

Kính gửi: Chi nhánh/Phòng giao dịch NHCSXH

Họ và tên khách hàng vay vốn:.....

Ngày, tháng, năm sinh: / / Dân tộc: Giới tính:

Thẻ căn cước/căn cước công dân số:;

Ngày cấp / /; Ngày hết hạn / /; Nơi cấp

Nơi thường trú:

Nơi ở hiện tại:

Theo Hợp đồng tín dụng số ngày / /,
được ký giữa Chi nhánh/Phòng giao dịch NHCSXH và
Ông/Bà Số tiền cho vay là đồng.
(Bằng chữ:)

Số tiền đến hạn trả nợ gốc là đồng.

Ngày đến hạn: ngày / /

Số tiền nợ gốc chưa trả được là đồng.

Vì lý do:

Đề nghị Chi nhánh/Phòng giao dịch NHCSXH cho phép
điều chỉnh kỳ hạn trả nợ số tiền nợ gốc chưa trả được nêu trên đến ngày ... / ... / ...

Tôi xin cam kết trả nợ đúng hạn trên./.

....., ngày tháng năm

Khách hàng vay vốn/

Người được ủy quyền

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHÊ DUYỆT CỦA NHCSXH

- Số tiền được điều chỉnh kỳ hạn là

- Thời gian điều chỉnh đến ngày / /

CÁN BỘ TÍN DỤNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG PHÒNG KH-NVTD

(TỔ TRƯỞNG KH-NV)

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN NỢ

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội.....

Tên khách hàng vay vốn:.....

Địa chỉ:.....; Điện thoại:.....

Người đại diện hoặc được ủy quyền vay vốn:

Chức vụ.....

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:; ngày cấp/...../.....

Nơi cấp

Hiện nay, tôi/chúng tôi đang vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số..... ngày...../...../.....

- Mã khoản vay:..... thuộc chương trình cho vay.....

- Số tiền nợ gốc: đồng; số tiền nợ lãi: đồng

Theo thỏa thuận đã ký với Ngân hàng, tôi/chúng tôi phải trả số tiền trên vào ngày...../...../..... nhưng chưa trả được vì lý do:.....

.....
Đề nghị Ngân hàng xem xét cho gia hạn khoản nợ gốc
đồng; thời gian đề nghị: tháng; kế hoạch trả nợ..... tháng/kỳ
với số tiền đồng/kỳ, số tiền trả nợ kỳ cuối đồng.

Tôi/chúng tôi xin cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích; trả nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn. Nếu sai tôi/chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày.....tháng....năm.....

Khách hàng vay vốn

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

PHÊ DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

- Số tiền được gia hạn nợ làđồng

- Thời gian gia hạn nợ: Từ ngày/...../..... đến ngày/...../.....

Ngày.....tháng.....năm.....

CÁN BỘ TÍN DỤNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG PHÒNG KH-NVTD

(TỔ TRƯỞNG KH-NV)

(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

NHCSXH TỈNH, TP....
PHÒNG GIAO DỊCH.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO NỢ ĐẾN HẠN

Kính gửi: Ông (Bà)

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số lập ngày tháng năm giữa Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH)..... với Ông (Bà):; ngày đến hạn trả nợ gốc theo phân kỳ /ngày đến hạn trả nợ cuối cùng của Hợp đồng tín dụng¹ là ngày / / , cụ thể:

1. Số tiền gốc:đồng.

(Bằng chữ:.....)

2. Số tiền lãi:đồng.

(Bằng chữ:.....)

Chi nhánh/Phòng giao dịch NHCSXH thông báo đến Ông (Bà):..... được biết để có kế hoạch trả nợ đúng hạn. Nếu đến ngày / / Ông (Bà) không trả nợ hoặc không làm các thủ tục đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ/gia hạn nợ², Chi nhánh/Phòng giao dịch NHCSXH sẽ chuyển số tiền nợ gốc trên sang nợ quá hạn với lãi suất nợ quá hạn là 130%/lãi suất cho vay.

Yêu cầu Ông (Bà) trả nợ số tiền trên hoặc liên hệ Chi nhánh/Phòng giao dịch NHCSXH để được hướng dẫn./.

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹ Chọn 1 trong 2 cho phù hợp

² Chọn 1 trong 2 cho phù hợp

luo

NHCSXH TỈNH, TP...
PHÒNG GIAO DỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN

Kính gửi: Ông (Bà)
.....

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số ngày / /
giữa Chi nhánh /Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội
(NHCSXH)..... với Ông (Bà):

Chi nhánh/Phòng giao dịch NHCSXH..... thông báo về việc
chuyển nợ quá hạn như sau:

1. Số nợ gốc đến hạn ngày / / là đồng.
(Bằng chữ:).
2. Số nợ gốc đã trả là đồng.
(Bằng chữ:).
3. Số nợ gốc chưa trả đã chuyển nợ quá hạn kể từ ngày.... / /..... là
..... đồng. (Bằng chữ:).
4. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.
5. Lý do chuyển nợ quá hạn:

Yêu cầu Ông (Bà) tìm
mọi biện pháp sớm trả nợ số tiền nợ quá hạn nêu trên cho Chi nhánh/Phòng giao
dịch NHCSXH/.

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

la